

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 58/2023/DS-ST

Ngày: 20-9-2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quang Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Song Trà

2. Bà Lê Thị Hồng Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Quốc Trạng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2023/TLST-DS ngày 21/4/2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 234/2023/QĐXXST-DS ngày 18/8/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 210/2023/QĐST-DS ngày 05/9/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Nhã A, sinh năm 1964.

Cư trú tại: Tổ 04, phường Q, thành phố Q, tỉnh Q.

- Bị đơn: Ông Trần Quang V, sinh năm 1982 và bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1983.

Cùng cư trú tại: Số 32 đường B phường L, thành phố Q, tỉnh Q.

(Tại phiên tòa, bà A có đơn xin xét xử vắng mặt, ông V và bà H vắng mặt lần hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Nhã A trình bày:

Bà và vợ chồng ông Trần Quang V, bà Huỳnh Thị H có quan hệ họ hàng, nên bà có cho ông V, bà H mượn tiền, cụ thể: Ngày 28/01/2022 cho mượn 70.000.000 đồng, ngày 20/9/2022 cho mượn 170.000.000 đồng, tổng cộng là 240.000.000 đồng, cả 02 lần ông V và bà H đều viết giấy mượn tiền và ký tên vào trong giấy mượn tiền.

Quá thời hạn cho mượn, bà đã nhiều lần đòi nhưng ông V, bà H không trả nợ cho bà.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông V, bà H phải trả cho bà số tiền nợ gốc 240.000.000 đồng, tiền nợ lãi là 12.000.000 đồng.

Ngày 20/9/2023, bà A có đơn xin rút yêu cầu tính lãi, chỉ yêu cầu ông V, bà H phải trả cho bà số tiền nợ gốc 240.000.000 đồng.

Bị đơn là ông Trần Quang V, bà Huỳnh Thị H đã được Tòa án thực hiện tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập làm việc, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông V và bà H trả tiền gốc 240.000.000 đồng; Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tiền lãi.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Nguyễn Thị Nhã A khởi kiện yêu cầu ông Trần Quang V, bà Huỳnh Thị H thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng vay tài sản đã được hai bên ký kết. Ông V, bà H có địa chỉ cư trú tại số 32 đường B, phường L, thành phố Q, tỉnh Q. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

[1.2] Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Nhã A có đơn xin xét xử vắng mặt; Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Trần Quang V, bà Huỳnh Thị H tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng ông V, bà H vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà A, ông V, bà H.

[1.3] Ngày 20/9/2023, bà Nguyễn Thị Nhã A có đơn xin rút yêu cầu ông Trần Quang V, bà Huỳnh Thị H trả tiền lãi 12.000.000 đồng, chỉ yêu cầu trả tiền gốc 240.000.000 đồng. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Nhã A là tự nguyện. Căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử phần yêu cầu này.

[2] Về nội dung:

[2.1] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đến Tòa án làm việc, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử. Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú của bị đơn, theo Biên bản làm việc ngày 17/3/2021, ông Trần Quang V và bà Huỳnh Thị H có địa chỉ tại số 32 đường B, thành phố Q, tỉnh Q nhưng hiện nay ông V, bà H đi đâu không rõ. Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[2.2] Bà Nguyễn Thị Nhã A yêu cầu ông Trần Quang V, bà Huỳnh Thị H phải trả cho bà A số tiền nợ gốc 240.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn cung cấp bản gốc Giấy mượn tiền ngày 28/01/2022 có nội dung: “*Hôm nay 28/1/2022 (26/12 AL) tôi Huỳnh Thị H SĐT 07684xxxxx, CMND: 2121xxxxx (vợ) Trần Quang V (chồng) SĐT: 09056xxxxx, CMND: 2125xxxxx có mượn của bà Nguyễn Thị Nhã A số tiền 70.000.000 đồng trong vòng 01 tháng. Nếu trong 01 tháng tôi không trả đủ số tiền trên. Tôi sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật*”, và Giấy mượn tiền ngày 20/9/2022 có nội dung: “*Vợ Huỳnh Thị H SĐT 0768467917, chồng Trần Quang V SĐT: 09056xxxxx, số nhà 32 B TP Q. Nay tôi viết giấy này có mượn của bà Nguyễn Thị Nhã A số tiền 170 triệu (một trăm bảy mươi triệu) vào ngày 20.09.2022 sẽ trả cho bà vào ngày 20.10.2022 và sẽ không*

tính lãi. Nếu như tôi không trả đúng như lời hứa trên thì vc tôi sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm”. Căn cứ vào 02 Giấy mượn tiền nêu trên và trình bày của nguyên đơn có cơ sở xác định: Ông Trần Quang V, bà Huỳnh Thị H có vay tiền của bà Nguyễn Thị Nhã A số tiền gốc 240.000.000 đồng. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ gốc đã vay 240.000.000 đồng là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí:

Yêu cầu của bà A được chấp nhận nên ông V, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.000.000 đồng.

Bà A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho bà A.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, 147, 227, 228, 235, khoản 2 Điều 244, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Nhã A. Buộc ông Trần Quang V, bà Huỳnh Thị H phải trả cho bà A số tiền nợ gốc 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng).

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị Nhã A về việc yêu cầu ông Trần Quang V, bà Huỳnh Thị H trả số tiền nợ lãi 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng).

3. Về án phí:

Ông Trần Quang V, bà Huỳnh Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng).

Bà Nguyễn Thị Nhã A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà A 6.300.000 đồng (Sáu triệu, ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0004616 ngày 19/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TP.Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Quang Hải